

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hà Ngân

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Ngô Khánh Chi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 183/TB-TLVA ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, theo Quyết định mở phiên họp số 151/2022/QĐ-TA ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xóm C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Thái Văn B, sinh năm 1989. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Nhật Bản. Đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị Phạm Thị L, ý kiến thống nhất toàn bộ yêu cầu ly hôn của anh Thái Văn B, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:

* Về tình cảm: Chị Phạm Thị L và anh Thái Văn B đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2016 tại UBND thị trấn V, huyện V, Hà Tĩnh. Hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh B và chị L chung sống hạnh phúc nhưng về sau do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Vì anh Thái Văn B đang làm ăn và sinh sống tại Nhật Bản nên khoảng cách về địa lý và tình cảm phai nhạt khiến cả hai ít liên lạc và không còn quan tâm lẫn nhau. Anh B và chị L đều thừa nhận đã không còn tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn, níu kéo cũng không hạnh phúc. Đến nay, hai vợ chồng cùng xác định tình trạng hôn

nhân của vợ chồng không thể dung hòa, hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Thái Tuấn A, sinh ngày 11/02/2017. Cả hai thống nhất giao con chung là cháu Thái Tuấn A cho anh Thái Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Phạm Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai ngăn cản.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình anh Thái Văn B đang ở Nhật Bản không về Việt Nam được nên không thể tham gia quá trình tố tụng tại Tòa án, anh B đề nghị được giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông Thái Văn T và bà Phạm Thị H trú tại tổ dân phố B, thị trấn V, huyện V, Hà Tĩnh giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 28, 37, 227, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Công nhận chị Phạm Thị L và anh Thái Văn B thuận tình ly hôn, các vấn đề khác đương sự không yêu cầu, đã thống nhất nên không xem xét.

Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Phạm Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Thái Văn B đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Thái Văn B và chị Phạm Thị L theo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 20157/QLXNC-P5 ngày 28/9/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện “Anh Thái Văn B, sinh ngày 26/11/1989 lần xuất cảnh gần nhất ngày 30/10/2018 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài và chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Phạm Thị L và anh Thái Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết, anh Thái Văn B thông qua hình thức gọi điện thoại đã trình bày ý kiến liên quan đến nội dung chị Phạm Thị L khởi kiện. Theo đó, anh Thái Văn B đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị L; về con chung: Anh B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Thái Tuấn A, sinh ngày 11/02/2017 và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian đi làm ăn xa, anh Thái Văn B ủy quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thái Tuấn A và ủy quyền giao, nhận tài liệu cho bố mẹ ruột là ông Thái Văn T và bà Phạm Thị H trú tại tổ dân phố B, thị trấn V, huyện V, Hà Tĩnh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2022, chị Phạm Thị L đã thống nhất toàn bộ quan điểm của anh Thái Văn B trên các pH diện tình cảm; con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung. Chị L đề nghị tòa án xem xét công nhận cho chị và anh B thuận tình ly hôn dựa trên các nội dung mà hai bên đã thống nhất.

Trên tinh thần Công văn số 253/TANDTCPC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án sẽ tổng đạt các tài liệu, văn bản tố tụng cho người được ủy quyền giao nhận tài liệu của đương sự hiện đang ở nước ngoài và quyết định chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án Hôn nhân gia đình thành việc Hôn nhân gia đình.

[1.4] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Thái Văn B được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì năm 2018 anh B đi lao động tại Nhật Bản, hai vợ chồng ít liên lạc và không còn quan tâm nhau kể từ đó. Do quan điểm sống và cách suy nghĩ của mỗi người hoàn toàn khác nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh B và chị L đều thừa nhận đã không còn tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn, níu kéo cũng không hạnh phúc. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...” (Điều 55).

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Phạm Thị L và anh Thái Văn B hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị L, anh B như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự, giải quyết cho chị Phạm Thị L và anh Thái Văn B được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn của chị Phạm Thị L và anh Thái Văn B là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung.

Anh Thái Văn B hiện đang cư trú tại nước ngoài nên không thể thực hiện việc nuôi con, anh B đã thống nhất nhờ ông Thái Văn T và bà Phạm Thị H trú tại tổ dân phố B, thị trấn V, huyện V, Hà Tĩnh (bố mẹ ruột anh B) nuôi dưỡng cháu Thái Tuấn A, sinh ngày 11/02/2017 trong thời gian anh đi làm ăn xa. Ông Thái Văn T và bà Phạm Thị H đã có văn bản về việc tình nguyện nuôi dưỡng cháu Thái Tuấn A trong thời gian anh B chưa về nước.

Cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Thái Văn B để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 227, 361, 367, 369, 370, 371, 469, 479 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Thái Văn B.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung là cháu Thái Tuấn A, sinh ngày 11/02/2017 cho anh Thái Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng (ông Thái Văn T và bà Phạm Thị H thay anh Thái Văn B nuôi dưỡng cháu Thái Tuấn A trong thời gian anh Thái Văn B đi vắng), chị Phạm Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai ngăn cấm.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Phạm Thị L theo biên lai số 0000316 ngày 14/10/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 09/12/2022.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN – CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Nguyễn Hà Ngân